

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung kinh phí cho huyện Tây Sơn để hỗ trợ giá giống cây trồng thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông Xuân năm 2023-2024**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước sửa đổi, bổ sung ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh và Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 136/TTr-STC ngày 12/5/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung có mục tiêu năm 2025 cho ngân sách huyện Tây Sơn để hỗ trợ giá giống cây trồng thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông Xuân năm 2023-2024 (phần ngân sách tỉnh hỗ trợ) với số tiền là **1.129.609.000 đồng** (Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Nguồn kinh phí thực hiện: từ nguồn chi thực hiện các chính sách của địa phương đã được HĐND tỉnh ban hành (chi sự nghiệp kinh tế) trong dự toán năm 2025 tại Quyết định số 4339/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của UBND tỉnh.

**Điều 2.** UBND huyện Tây Sơn chịu trách nhiệm về đối tượng hỗ trợ; quản lý, sử dụng dự toán kinh phí được giao đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIII; Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

Phụ lục

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH VÀ KINH PHÍ HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG

VỤ ĐÔNG XUÂN 2023-2024 HUYỆN TÂY SƠN

| Stt       | Huyện, thị xã                 | DIỆN TÍCH CHUYỂN ĐỔI                 |                          |             |            |                |                         |                 | KINH PHÍ HỖ TRỢ                |                         |                                 | Kinh phí<br>phản ngân<br>sách tỉnh<br>hỗ trợ<br>(đồng) |
|-----------|-------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|-------------|------------|----------------|-------------------------|-----------------|--------------------------------|-------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------|
|           |                               | Tổng diện tích<br>chuyển đổi<br>(ha) | Các cây trồng chuyển đổi |             |            |                |                         |                 | Tổng kinh phí<br>hỗ trợ (đồng) | Trong đó                |                                 |                                                        |
|           |                               |                                      | Ngô<br>(ha)              | Lạc<br>(ha) | Mè<br>(ha) | Đậu đỗ<br>(ha) | Cỏ chăn<br>nuôi<br>(ha) | Rau màu<br>(ha) |                                | Ngân sách<br>tỉnh (70%) | Ngân sách<br>cấp huyện<br>(30%) |                                                        |
| 1         | Chuyển đổi trên đất trồng lúa | 49,6624                              | 0,0000                   | 49,2507     | 0,0000     | 0,0000         | 0,4117                  | 0,0000          | 217.732.000                    | 152.412.000             | 65.320.000                      | 152.412.000                                            |
| -         | Hỗ trợ 50%                    | 49,6624                              |                          | 49,2507     |            |                | 0,4117                  |                 | 217.732.000                    | 152.412.000             | 65.320.000                      | 152.412.000                                            |
| 2         | Chuyển đổi trên đất trồng mía | 13,7493                              | 0,7008                   | 13,0485     | 0,0000     | 0,0000         | 0,0000                  | 0,0000          | 58.303.000                     | 40.812.000              | 17.491.000                      | 40.812.000                                             |
| -         | Hỗ trợ 50%                    | 13,7493                              | 0,7008                   | 13,0485     |            |                |                         |                 | 58.303.000                     | 40.812.000              | 17.491.000                      | 40.812.000                                             |
| 3         | Chuyển đổi trên đất trồng sắn | 312,1101                             | 8,2007                   | 297,2639    | 0,0000     | 0,0000         | 6,6455                  | 0,0000          | 1.337.692.000                  | 936.385.000             | 401.307.000                     | 936.385.000                                            |
| -         | Hỗ trợ 50%                    | 311,4182                             | 8,2007                   | 296,7520    |            |                | 6,4655                  |                 | 1.332.287.000                  | 932.601.000             | 399.686.000                     | 932.601.000                                            |
| -         | Hỗ trợ 100%                   | 0,6919                               |                          | 0,5119      |            |                | 0,1800                  |                 | 5.405.000                      | 3.784.000               | 1.621.000                       | 3.784.000                                              |
| Tổng cộng |                               | 375,5218                             | 8,9015                   | 359,5631    | 0,0000     | 0,0000         | 7,0572                  | 0,0000          | 1.613.727.000                  | 1.129.609.000           | 484.118.000                     | 1.129.609.000                                          |